

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2022/HS-ST
Ngày: 09 - 8 -2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Độ

Ông Phạm Văn Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kiều Vĩnh Phong, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2022/TLST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2022/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2022/HSST-QĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2022/HSST-QĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Bùi Văn D, sinh năm 1986 tại Nam Định; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn N, xã Y, huyện Y1, tỉnh Nam Định; nơi sinh sống: ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: thợ cơ khí; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn N1 và bà Nguyễn Thị X; có vợ là Nguyễn Thị M và 02 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15 tháng 4 năm 2022 đến nay; có mặt.

2. Đỗ Tất L, sinh năm 1999 tại Thanh Hóa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Đ, xã L1, huyện L2, tỉnh Thanh Hóa; nơi sinh sống: ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Tất L3 và bà Nguyễn Thị H; tiền án: không; tiền sự: không; bị

áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15 tháng 4 năm 2022 đến nay; có mặt.

3. Hồ Văn A, sinh năm 1967 tại Thanh Hóa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: làm vườn; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn T1 (đã chết) và bà Lê Thị D1 (đã chết); có vợ là Mai Thị L4 và 02 con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Bản án hình sự phúc thẩm số 01/2016/HS-PT ngày 04 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt Hồ Văn A 03 (ba) tháng tù về tội Đánh bạc; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15 tháng 4 năm 2022 đến nay; có mặt.

4. Bùi Xuân Đ, sinh năm 1981 tại Hải Phòng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn H1, xã E, huyện F, tỉnh Phú Yên; nơi sinh sống: ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: thợ cơ khí sắt; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Xuân H2 và bà Nguyễn Thị N2; có vợ là Phan Thị Mỹ H3 và 02 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15 tháng 4 năm 2022 đến nay; có mặt.

5. Trần Văn C, sinh năm 1975 tại Thanh Hóa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn R, xã K, huyện O, tỉnh Thanh Hóa; nơi sinh sống: ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: thợ cơ khí; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T2 và bà Trần Thị N3; có vợ là Đỗ Thị H4 và 02 con; tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2019/HS-ST ngày 20 tháng 06 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa xử phạt Trần Văn C 20.000.000 triệu đồng về tội Đánh bạc; tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15 tháng 4 năm 2022 đến nay; có mặt.

6. Bùi Văn V, sinh năm 1993 tại Nam Định; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ dân phố Ồ, thị trấn P, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định; nơi sinh sống: ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn B1 và bà Trần Thị N4; có vợ là Nguyễn Thị R và 01 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15 tháng 4 năm 2022 đến nay; có mặt.

7. Bùi Văn I, sinh năm 1986 tại Hải Phòng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn S, xã G, huyện N5, tỉnh Hải Phòng; nơi sinh sống: ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: thợ hàn; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Xuân C1 và bà Hà Thị H5; có 02 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15 tháng 4 năm 2022 đến nay; có mặt.

8. Nguyễn Cảnh Ê, sinh năm 2000 tại Nghệ An; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm S1, xã V1, huyện K, tỉnh Nghệ An; nơi sinh sống: ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Thái; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Cảnh U và bà Vi Thị U; tiền án: không; tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15 tháng 4 năm 2022 đến nay; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Bùi Văn D có mối quan hệ quen biết với Đỗ Tất L, Bùi Xuân Đ, Bùi Văn V, Trần Văn C, Bùi Văn I, Nguyễn Cảnh Ê và Hồ Văn A.

Khoảng 21 giờ 30 ngày 16 tháng 10 năm 2021, D cùng L, Đ, V, C, I và Ê đang ngồi nhậu tại xưởng nhôm kính Kiều Dung của D thì cả nhóm rủ nhau chơi đánh bài. D nói L đi mua 04 bộ bài tây loại 52 lá về để chơi đánh bài liêng thắng thua bằng tiền với giao ước như sau: Tất cả người chơi trong bàn phải đặt mỗi người 10.000 đồng tiền tẩy mỗi người chơi sẽ nhận được 03 lá bài người chơi sẽ dựa vào điểm số cao thấp mà quyết định tố theo hoặc bỏ bài tiền tố mỗi ván nhỏ nhất là 10.000 đồng và lớn nhất không quá 100.000 đồng. Việc xác định thắng thua được quy định như sau:

- Lớn nhất là ba lá bài giống nhau tính theo thứ tự từ thấp nhất ba lá 222,...,KKK cao nhất là ba lá AAA;

- Tiếp theo là ba lá bài liên kề nhau tính theo thứ tự từ 1,2,3; 4,5,6...đến dãy bài tây 9,10,J; J,Q,K cao nhất là Q,K,A;

- Tiếp theo là ba tây, tức có ba lá bài có hình ký hiệu J,Q,K không theo thứ tự liên kề nhau, như J,J,K;Q,Q,K...;

- Cuối cùng là tính điểm dựa trên số (nút) trên lá bài (nếu không thuộc các trường hợp ở trên), tức là cộng điểm của 03 lá bài lại để lấy số hàng đơn vị tính điểm. Điểm lớn nhất là 09, điểm nhỏ nhất là 10 điểm (hoặc còn gọi 0 điểm).

Các đối tượng đánh đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì Hồ Văn A khi đi ngang qua cửa hàng nhôm kính Kiều Dung nhìn thấy và xin vào chơi cùng. Cả nhóm chơi đến khoảng 00 giờ 20 phút thì bị lực lượng Công an xã Công an xã Tân Hưng phối hợp cùng đội Cảnh sát Hình sự Công an huyện Bàu Bàng kiểm tra phát hiện bắt quả tang.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đã thực hiện đúng như Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo D, L, A, Đ, C, V, I và Ê đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”.

- Về các vấn đề khác của vụ án:

Theo Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 17 tháng 10 năm 2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng, vật chứng thu giữ gồm: Số tiền tạm giữ trên chiếu bạc là 11.350.000 đồng. Trong đó Bùi Văn D bị thu giữ số tiền 90.000 đồng; Đỗ Tất L bị thu giữ số tiền 230.000 đồng; Hồ Văn A bị thu giữ số tiền 1.430.000 đồng; Bùi Xuân Đ bị thu giữ 950.000 đồng; Bùi Văn V bị thu giữ số tiền 60.000 đồng; Trần Văn C bị thu giữ 780.000 đồng; Bùi Văn I bị thu giữ 1.380.000 đồng; Nguyễn Cảnh Ê bị thu giữ 420.000 đồng và 04 bộ bài tây 52 lá (01 bộ đã qua sử dụng, 03 bộ chưa qua sử dụng), 01 chiếc chiếu nhựa các bị cáo sử dụng ngồi đánh bạc.

Quá trình điều tra xác định: Bùi Văn D mang theo số tiền 100.000 đồng và sử dụng 100.000 đồng dùng để đánh bạc, đến khi bị bắt D thua 10.000 đồng. Đỗ Tất L mang theo 210.000 đồng và sử dụng 210.000 đồng dùng để đánh bạc, đến khi bị bắt L thắng số tiền 30.000 đồng. Hồ Văn A mang theo số tiền 4.000.000 đồng, A mang ra số tiền 1.000.000 đồng để đánh bạc trước số tiền còn lại cất trong người sử dụng sau, khi bị bắt A thắng số tiền 440.000 đồng. Bùi Xuân Đ mang theo số tiền 1.370.000 đồng, mang ra số tiền 370.000 đồng để đánh bạc trước số tiền còn lại cất trong người sử dụng sau, khi bị bắt Đ thắng số tiền 590.000 đồng. Bùi Văn V mang theo và sử dụng số tiền 900.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt V thua số tiền 290.000 đồng. Trần Văn C mang theo sử dụng 3.200.000 đồng để đánh bạc, mang ra số tiền 1.800.000 đồng để đánh bạc trước số tiền còn lại cất trong người sử dụng sau, khi bị bắt C thua số tiền 1.010.000 đồng. Bùi Văn I mang theo và sử dụng số tiền 1.100.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt I thắng số tiền 290.000 đồng. Nguyễn Cảnh Ê mang theo và sử dụng số tiền 470.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt Ê thua số tiền 40.000 đồng.

Đối với số tiền 11.350.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc có căn cứ xác định là tiền dùng đánh bạc nên đề nghị Tòa án tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với 04 bộ bài tây 52 lá (01 bộ đã qua sử dụng, 03 bộ chưa qua sử dụng) và 01 chiếc chiếu nhựa các bị cáo sử dụng ngồi đánh bạc xét thấy không có giá trị sử dụng đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến gì về việc thu giữ và xử lý vật chứng như trên.

Về trích dẫn cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản Cáo trạng số 27/CT-VKSBB ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng đã truy tố các bị cáo D, L, A, Đ,

C, V, I và Ê đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo D, L, A, Đ, C, V, I và Ê và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về mức hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo D, L, Đ, V, I và Ê, xử phạt các bị cáo D, L, Đ, V, I và Ê mỗi bị cáo từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo C, xử phạt bị cáo C từ 06 tháng tù đến 08 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321 điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo A, xử phạt bị cáo A từ 08 tháng tù đến 10 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 11.350.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc có căn cứ xác định là tiền dùng đánh bạc nên đề nghị Tòa án tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với 04 bộ bài tây 52 lá (01 bộ đã qua sử dụng, 03 bộ chưa qua sử dụng) và 01 chiếc chiếu nhựa các bị cáo sử dụng ngồi đánh bạc xét thấy không có giá trị sử dụng đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Tại phiên tòa, các bị cáo không tranh luận gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát và luận tội của Kiểm sát viên.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo D: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo L: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo A: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Đ: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo V: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo C: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo I: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Ê: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bàu Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 16 tháng 10 năm 2022, tại xưởng nhôm kính Kiều Dung thuộc tổ 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương các bị cáo D, L, A, Đ, C, V, I và Ê đánh bạc dưới hình thức đánh bài liêng thắng thua bằng tiền. Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 11.350.000 đồng. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết Ê các bị cáo D, L, A, Đ, C, V, I và Ê phạm tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy, Cáo trạng truy tố các bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội và xem thường pháp luật, xâm phạm đến an toàn trật tự công cộng, trật tự trị an tại địa phương, gây ảnh hưởng lớn đến cuộc sống của mỗi gia đình trong xã hội, là nguyên nhân phát sinh những tệ nạn khác. Vì vậy, việc đưa các bị cáo ra xét xử tại phiên tòa là hoàn toàn cần thiết.

[4] Vì tư lợi mà các bị cáo đã có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh bài liêng thắng thua bằng tiền. Vụ án với tính chất đồng phạm giản đơn: các bị cáo D, L, A, Đ, C, V, I và Ê đều làm cái và tham gia đặt cược. Các bị cáo biết rõ hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn thực hiện là phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

[5] Về nhân thân: năm 2016, bị cáo A bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt 03 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Mặc dù bị cáo đã được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Ngoài ra, khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này trước đó bị cáo A đã bị khởi tố về tội Đánh bạc được tại ngoại để điều tra nhưng vẫn tiếp tục phạm tội điều này thể hiện thái độ xem thường pháp luật của bị cáo A.

[6] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như sau:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[6.1] Các bị cáo D, L, Đ, V, I và Ê: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6.2] Đối với bị cáo C: Năm 2019, Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa xử phạt Trần Văn C 20.000.000 triệu đồng về tội Đánh bạc chưa được xóa án tích. Do đó, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo D, L, Đ, V, I và Ê quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo C và bị cáo A quá trình điều tra thành khẩn khai báo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Riêng bị cáo C có ông Trần Văn Thông tham gia dân công hỏa tuyến nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[7] Xét vụ án có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội là lớn, xét tính chất của đồng phạm trong vụ án, việc Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt chính là tù đối với bị cáo C và bị cáo A; hình phạt chính là phạt tiền đối với các bị cáo D, L, Đ, V, I và Ê là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 11.350.000 đồng là tiền các bị cáo dùng để đánh bạc nên sẽ tịch thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 04 bộ bài tây 52 lá (01 bộ đã qua sử dụng, 03 bộ chưa qua sử dụng) và 01 chiếc chiếu nhựa các bị can sử dụng ngồi đánh bạc, xét thấy là công cụ, phương tiện dùng để phạm tội không có giá trị sử dụng nên tịch thu và tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9] Về án phí: mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b, c khoản 2 Điều 106, Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 260, Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn D, Đỗ Tất L, Hồ Văn A, Bùi Xuân Đ, Trần Văn C, Bùi Văn V, Bùi Văn I và Nguyễn Cảnh Ê phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trần Văn C.

Xử phạt bị cáo Trần Văn C 07 (bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Hồ Văn A.

Xử phạt bị cáo Hồ Văn A 08 (tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321 điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Bùi Văn D, Đỗ Tất L, Bùi Xuân Đ, Bùi Văn V, Bùi Văn I và Nguyễn Cảnh Ê.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn D 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

Xử phạt bị cáo Đỗ Tất L 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

Xử phạt bị cáo Bùi Xuân Đ 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn V 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn I 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Cảnh Ê 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 04 (bốn) bộ bài tây 52 lá (01 bộ đã qua sử dụng, 03 bộ chưa qua sử dụng) và 01 chiếc chiếu nhựa các bị cáo sử dụng ngồi đánh bạc.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng tài sản ngày 15 tháng 4 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương).

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 11.350.000 đồng (mười một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng)

(Giấy nộp tiền mặt ngày 15 tháng 4 năm 2022 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Bình Dương).

3. Về án phí: các bị cáo Bùi Văn D, Đỗ Tất L, Hồ Văn A, Bùi Xuân Đ, Trần Văn C, Bùi Văn V, Bùi Văn I và Nguyễn Cảnh Ê mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4 Quyền kháng cáo: các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng;
- Bị cáo;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án (nếu có);
- Lưu: hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tùng